

TẠP CHÍ

KHOA HỌC XÃ HỘI
MIỀN TRUNG

Central Vietnamese Review of Social Sciences

Số: 02 (87) 2025
ISSN 1859-2635

VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI VÙNG TRUNG BỘ VÀ TÂY NGUYÊN

CVRSS

Tap chí Khoa học xã hội miền Trung

ISSN 1859 – 2635

TỔNG BIÊN TẬP

TS. Trần Minh Đức

HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP

PGS.TS. Bùi Đức Hùng (Chủ tịch)

Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ

TS. Hoàng Hồng Hiệp

Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ

GS.TS. Nguyễn Xuân Thắng

Ủy viên Bộ Chính trị

Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh

GS.TS. Nguyễn Chí Bền

Viện Văn hoá Nghệ thuật Việt Nam

GS.TS. Trần Thọ Đạt

Trường Đại học Kinh tế Quốc dân

GS.TS. Phạm Văn Đức

Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

GS.TS. Nguyễn Xuân Kính

Viện Nghiên cứu Văn hoá

GS.TS. Eric Iksoon Im

University of Hawaii – Hilo, Hoa Kỳ

GS.TS. Đỗ Hoài Nam

Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

GS.TS. Vũ Băng Tâm

University of Hawaii – Hilo, Hoa Kỳ

GS.TS. Nguyễn Quang Thuần

Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

GS.TS. Trần Đăng Xuyên

Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

BAN BIÊN TẬP

ThS. Châu Ngọc Hoè

ThS. Nguyễn Thị Thanh Thủy

CVRSS

Tạp chí Khoa học xã hội miền Trung

ISSN 1859 – 2635

Tạp chí ra 3 tháng 1 kỳ

Số 02 năm 2025

Năm thứ mười tám

Mục lục

1. Phát triển hợp tác xã nông nghiệp tỉnh Đắk Lắk: Rào cản và giải pháp..... **3**
Nguyễn Duy Thụy
2. Thực trạng bồi dưỡng kiến thức, nghiệp vụ phổ biến, giáo dục chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường ở tỉnh Quảng Nam và một số vấn đề đặt ra **10**
Trần Minh Đức, Vũ Thị Ngọc
3. Hội nghị Thượng đỉnh Tương lai của Liên Hợp Quốc và những vấn đề đặt ra cho thế giới và Việt Nam..... **19**
Nguyễn Văn Lịch, Phạm Thị Phương Anh
4. Các yếu tố ảnh hưởng đến ý định mua và sử dụng xe máy điện của sinh viên trên địa bàn thành phố Hà Nội **27**
Nguyễn Danh Nam, Ưông Thị Ngọc Lan
5. Phát triển kinh tế lâm nghiệp tại các huyện miền núi phía Bắc của tỉnh Quảng Nam **37**
Nguyễn Hoàng Yến
6. Ảnh hưởng của chất lượng dịch vụ và eWOM đến ý định quay lại các điểm đến du lịch biển Phú Yên: Vai trò của niềm tin và giá trị cảm nhận **46**
Lê Đức Tâm
7. Nâng cao chất lượng dịch vụ vận chuyển khách du lịch bằng taxi tại thành phố Nha Trang... **56**
Lê Chí Công, Bùi Thị Thúy Vân
8. Vận dụng mô hình SCP phát triển thị trường cá tra ở Đồng bằng sông Cửu Long – Nghiên cứu trường hợp tỉnh Tiền Giang **64**
Mai Văn Xuân, Đỗ Đoàn Trang, Phan Phùng Phú, Mai Lệ Quyên
9. Văn hóa doanh nghiệp và sự gắn bó của người lao động với công việc: Nghiên cứu thực nghiệm cho các doanh nghiệp FDI tại tỉnh Khánh Hòa **73**
Lê Hữu Nghĩa, Nguyễn Thị Hồng Đào
10. Xung đột xã hội về vấn đề môi trường tại tỉnh Quảng Ngãi trong bối cảnh công nghiệp hóa **81**
Nguyễn Thị Thanh Xuyên
11. Huy động, sử dụng nguồn nhân lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số ở tỉnh Đắk Lắk **90**
Đinh Như Hoài
12. Về nhận diện và phân tích giá trị dân tộc vùng biên giới đất liền ở Việt Nam hiện nay..... **99**
Trần Thị Phương Anh, Hoàng Văn Chung
13. Biên chứng giữa văn hóa và môi trường: Nghiên cứu các giá trị và thực hành truyền thống của cộng đồng vùng đầm phá thành phố Huế **107**
Trần Mai Phương, Hồ Viết Hoàng
14. Bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa vật thể trên địa bàn huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng trong giai đoạn hiện nay..... **115**
Trần Thị Hồng Hạnh
15. Công tác bổ dụng đội ngũ quan lại qua thi cử dưới triều Nguyễn (1802-1885)..... **124**
Nguyễn Thế Hà, Phan Thùy Giang
16. Vùng đất Trấn Biên – Biên Hòa (Đồng Nai) từ thế kỷ XVII đến nửa đầu thế kỷ XIX..... **135**
Nguyễn Đình Cơ, Nguyễn Phương Đại
17. Khảo cứu, phê bình kịch hát trên tạp chí Bách Khoa..... **144**
Phạm Ngọc Hiền

CVRSS

Central Vietnamese Review of Social Sciences

ISSN 1859 – 2635

Quarterly Review

No. 02, 2025

The 18th Year

Contents

1. Development of Agricultural Cooperatives in Dak Lak Province: Barriers and Solutions..... **3**
Nguyen Duy Thuy
2. The current situation of training in knowledge and professional skills for disseminating and educating environmental protection policies and laws in Quang Nam province and emerging issues..... **10**
Tran Minh Duc, Vu Thi Ngoc
3. The United Nations Future Summit and its implications for the world and Vietnam..... **19**
Nguyen Van Lich, Pham Thi Phuong Anh
4. Factors influencing university students' intention to purchase and use electric motorcycles in Hanoi..... **27**
Nguyen Danh Nam, Uong Thi Ngoc Lan
5. Developing forestry-based economic activities in the northern mountainous districts of Quang Nam Province..... **37**
Nguyen Hoang Yen
6. The influence of service quality and eWOM on revisit intention to Phu Yen coastal tourism destinations: The role of trust and perceived value..... **46**
Le Duc Tam
7. Enhancing the quality of tourist taxi services in Nha Trang city..... **56**
Le Chi Cong, Bui Thi Thuy Van
8. Applying the SCP Model to Develop the Pangasius Market in the Mekong Delta – A Case Study of Tien Giang Province..... **64**
Mai Van Xuan, Do Doan Trang, Phan Phung Phu, Mai Le Quyen
9. Corporate culture and employees' work engagement: An empirical study in FDI enterprises in Khanh Hoa province..... **73**
Le Huu Nghia, Nguyen Thi Hong Dao
10. Environmental-Related Social conflicts in Quang Ngai province in the context of industrialization.... **81**
Nguyen Thi Thanh Xuyen
11. Mobilizing and utilizing human resources for socio-economic development in ethnic minority areas of Dak Lak province..... **90**
Dinh Nhu Hoai
12. On identifying and analyzing the ethnic values of Vietnam's land border areas today **99**
Tran Thi Phuong Anh, Hoang Van Chung
13. The dialectics of culture and environment: A study on traditional values and practices among lagoon communities in Hue city..... **107**
Tran Mai Phuong, Ho Viet Hoang
14. Preserving and promoting the value of tangible cultural heritage in Hoa Vang District, Danang City in the current period..... **114**
Tran Thi Hong Hanh
15. The Appointment of Mandarins through Examinations under the Nguyễn Dynasty (1802–1885) .. **124**
Nguyen The Ha, Phan Thuy Giang
16. The land of Trấn Biên – Biên Hòa (Đồng Nai) from the 17th century to the first half of the 19th century..... **135**
Nguyen Dinh Co, Nguyen Phuong Dai
17. Research, criticism of Vietnamese musical theater in Bach Khoa magazine **144**
Pham Ngoc Hien

Thực trạng bồi dưỡng kiến thức, nghiệp vụ phổ biến, giáo dục chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường ở tỉnh Quảng Nam và một số vấn đề đặt ra

Trần Minh Đức & Vũ Thị Ngọc

Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ và Tây Nguyên

Email liên hệ: ngocvu1583@gmail.com

Tóm tắt: Để triển khai thi hành Luật Bảo vệ môi trường 2020, chính quyền tỉnh Quảng Nam đã có sự quan tâm đáng kể đến việc bồi dưỡng kiến thức, nghiệp vụ phổ biến, giáo dục chính sách, pháp luật (Viết tắt là PBGDCSPL) về bảo vệ môi trường cho đội ngũ cán bộ thực hiện công tác này. Tuy nhiên, thực tế thực hiện công tác PBGDCSPL về bảo vệ môi trường ở Quảng Nam hiện nay vẫn có nhiều hạn chế, bất cập. Vì vậy, trong nghiên cứu này chúng tôi tiến hành phân tích và đánh giá thực trạng bồi dưỡng kiến thức, nghiệp vụ PBGDCSPL về bảo vệ môi trường ở tỉnh Quảng Nam nhằm tìm ra những hạn chế, bất cập đó là gì. Dựa trên phân tích các văn bản báo cáo từ các chủ thể thực hiện PBGDCSPL về bảo vệ môi trường; 57 cuộc phỏng vấn sâu với các chủ thể thực hiện công tác này ở tỉnh Quảng Nam; và khảo sát bảng hỏi với 400 người dân, cơ sở kinh doanh dịch vụ trên địa bàn 4 huyện, thành phố gồm Tam Kỳ, Hội An, Núi Thành, Đông Giang của tỉnh Quảng Nam, nghiên cứu của chúng tôi cho thấy việc bồi dưỡng kiến thức, nghiệp vụ PBGDCSPL về bảo vệ môi trường ở tỉnh này còn tồn tại 7 vấn đề hạn chế, bất cập cần được giải quyết để nâng cao hiệu quả công tác này tại tỉnh Quảng Nam hiện nay.

Từ khoá: Bồi dưỡng, PBGDCSPL, bảo vệ môi trường

The current situation of training in knowledge and professional skills for disseminating and educating environmental protection policies and laws in Quang Nam province and emerging issues

Abstract: In implementing the 2020 Law on Environmental Protection, the authorities of Quang Nam Province have paid significant attention to training in knowledge and professional skills for personnel involved in the dissemination and education of environmental protection policies and laws. However, the actual implementation of these activities still face numerous limitations and shortcomings. Therefore, this study aims to analyze and assess the current state of such training in the province to identify these challenges. Based on an analysis of official reports from relevant agencies, 57 in-depth interviews with key stakeholders, and a survey of 400 residents and service businesses across four districts and cities (Tam Ky, Hoi An, Nui Thanh, and Dong Giang), our research reveals seven major limitations that need to be addressed in order to enhance the effectiveness of environmental policy and legal dissemination and education in Quang Nam Province.

Keywords: Training, legal dissemination and education, environmental protection

Ngày gửi bài: 20/1/2025; **Ngày phản biện:** 10/2/2025; **Ngày duyệt đăng:** 10/4/2025

1. Đặt vấn đề

Phổ biến, giáo dục chính sách, pháp luật (PBGDCSPL) về bảo vệ môi trường là một khâu vô cùng quan trọng nhằm nâng cao nhận thức và thay đổi hành vi của cộng đồng hướng đến bảo vệ, giảm thiểu các tác động tiêu cực đến môi trường sống, từ đó nâng cao hiệu lực và hiệu quả thực thi chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường. Vì vậy, trong bối cảnh Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 được ban hành với nhiều điểm mới, Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Quảng Nam đã tích cực đẩy mạnh công tác PBGDCSPL trên địa bàn thông qua “*Kế hoạch triển khai thi hành Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường*” theo Quyết định số 1452/QĐ-UBND ngày 30/5/2022.

Trong công tác PBGDCSPL, năng lực của chủ thể thực hiện công tác này là một trong những yếu tố rất quan trọng. Cho nên, UBND tỉnh Quảng Nam đã có sự quan tâm đến việc bồi dưỡng kiến thức, nghiệp vụ PBGDCSPL về bảo vệ môi trường cho đội ngũ cán bộ, báo cáo viên, tuyên truyền viên thực hiện công tác này nhằm nâng cao năng lực chuyên môn và kỹ năng, nghiệp vụ PBGDCSPL. Nhờ đó, năng lực của đội ngũ cán bộ, báo cáo viên, tuyên truyền viên thực hiện công tác PBGDCSPL về bảo vệ môi trường ở tỉnh Quảng Nam có sự cải thiện nhất định. Tuy nhiên, thực tế cho thấy đội ngũ cán bộ, báo cáo viên, tuyên truyền viên thực hiện công tác PBGDCSPL về bảo vệ môi trường hiện nay ở tỉnh Quảng Nam còn gặp nhiều hạn chế về kiến thức chuyên ngành cũng như kỹ năng, nghiệp vụ PBGDCSPL và khả năng cập nhật những quy định mới của chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường. Vì vậy, ở bài viết này, chúng tôi thực hiện nghiên cứu và đánh giá thực trạng bồi dưỡng kiến thức, nghiệp vụ PBGDCSPL về bảo vệ môi trường ở tỉnh Quảng Nam nhằm tìm ra những hạn chế, bất cập đang tồn tại. Đó có thể là thông tin, cơ sở tham khảo hữu ích để thành phố Đà Nẵng mới (được hình thành từ sáp nhập tỉnh Quảng Nam và thành phố Đà Nẵng cũ)⁽¹⁾ xây dựng định hướng và các giải pháp cụ thể để nâng cao hiệu quả công tác bồi dưỡng kiến thức, nghiệp vụ PBGDCSPL về bảo vệ môi trường.

2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu này được thực hiện dựa trên 2 phương pháp chính: Thứ nhất, thực hiện phân tích các văn bản, báo cáo về công tác PBGDCSPL của các chủ thể tham gia thực hiện ở cấp tỉnh, huyện trên địa bàn tỉnh Quảng Nam để khái quát tình hình bồi dưỡng kiến thức, nghiệp vụ PBGDCSPL về bảo vệ môi trường ở tỉnh Quảng Nam. Thứ hai, để làm rõ hơn thực trạng bồi dưỡng kiến thức, nghiệp vụ PBGDCSPL về bảo vệ môi trường và hiệu quả của công tác này, chúng tôi thực hiện điều tra xã hội học bằng hai phương pháp: phỏng vấn sâu và phỏng vấn bằng bảng hỏi. Phỏng vấn sâu được thực hiện với nhóm đối tượng là cán bộ làm công tác PBGDCSPL về bảo vệ môi trường ở Sở, ban ngành và 4 huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh Quảng Nam gồm: Tam Kỳ, Hội An, Núi Thành, Đông Giang. Tổng số lượng phiếu phỏng vấn sâu là 57 phiếu. Phỏng vấn bằng bảng hỏi được thực hiện với nhóm đối tượng là người dân, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn thành phố Tam Kỳ, thành phố Hội An, huyện Núi Thành và huyện Đông Giang. Mẫu phỏng vấn bằng bảng hỏi được chọn theo kiểu mẫu ngẫu nhiên thuận tiện, số lượng mẫu là 400 người.

3. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

3.1. Tình hình thực hiện bồi dưỡng kiến thức, nghiệp vụ phổ biến, giáo dục chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường ở tỉnh Quảng Nam

Giai đoạn năm 2020-2021 diễn ra dịch bệnh COVID-19, tỉnh Quảng Nam thực hiện chính sách giãn cách xã hội, do vậy công tác bồi dưỡng kiến thức, nghiệp vụ PBGDCSPL về bảo vệ môi trường rất hạn chế, không tổ chức trực tiếp được các lớp bồi dưỡng, tập huấn về PBGDCSPL bảo vệ môi trường. Năm 2022, căn cứ theo kế hoạch triển khai thực hiện Luật Bảo vệ môi trường 2020 do Bộ Tài nguyên và Môi trường (TN&MT) ban hành, UBND tỉnh Quảng Nam ban hành kế hoạch triển khai thi hành Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành theo Quyết định số 1452/QĐ-UBND ngày 30/5/2022. Theo đó, Sở TN&MT Quảng Nam (Nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường Quảng Nam) chịu trách nhiệm chủ trì và phối hợp với các sở, ban, ngành, hội đoàn thể thuộc tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố tổ chức tuyên truyền, phổ biến, tập huấn các nội dung quy định của Luật Bảo vệ môi trường 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/1/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Ban quản lý các Khu kinh tế và Khu công nghiệp tuyên truyền phổ biến Luật Bảo vệ môi trường 2020 và các quy định dưới Luật cho các doanh nghiệp trong các Khu kinh tế và Khu công nghiệp trên địa bàn; UBND các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm tuyên truyền, phổ biến bằng các hình thức phù hợp với điều kiện, tình hình thực tế tại địa phương và từng đối tượng, địa bàn.

Thực hiện bồi dưỡng kiến thức, nghiệp vụ PBGDCSPL về bảo vệ môi trường cho đội ngũ cán bộ, báo cáo viên, tuyên truyền viên theo “Kế hoạch triển khai thi hành Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành” của UBND tỉnh Quảng Nam, từ năm 2022 đến tháng 6 năm 2024, Sở TN&MT Quảng Nam đã tổ chức 08 hội nghị tập huấn, lớp bồi dưỡng kiến thức, nghiệp vụ PBGDCSPL về bảo vệ môi trường. Cụ thể:

- Năm 2022: tổ chức 01 Hội nghị phổ biến Luật Bảo vệ môi trường 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/1/2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ TN&MT cho đối tượng là cán bộ chuyên môn môi trường thuộc Chi cục bảo vệ môi trường, Trung tâm quan trắc và Phân tích môi trường, Ban Quản lý các Khu kinh tế và Khu công nghiệp của tỉnh, Phòng Tài nguyên và Môi trường của 18 huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh với 70 lượt người tham dự; 02 lớp bồi dưỡng có nội dung phổ biến Luật Bảo vệ môi trường 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/1/2022 của Chính phủ, Nghị định số 45/2022/NĐ-CP ngày 07/7/2022 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường cho các doanh nghiệp đang hoạt động trên địa bàn tỉnh Quảng Nam (Sở TN&MT Quảng Nam, 2022).

- Năm 2023: tổ chức 02 lớp đào tạo, bồi dưỡng về công tác phân loại chất thải rắn sinh hoạt (CTRS) tại nguồn cho đội ngũ tuyên truyền viên nòng cốt cấp huyện, cấp xã (khoảng 300 lượt người tham dự) để thực hiện Quyết định số 2625/QĐ-UBND ngày 30/9/2022 của UBND tỉnh Quảng Nam về Kế hoạch phân loại CTRSH tại nguồn tỉnh Quảng Nam đến năm 2025; 03 lớp tuyên truyền, phổ biến các quy định của Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22/11/2019 và Nghị định số 84/2021/NĐ-CP ngày 22/9/2021 của Chính phủ, Quyết định số 149/QĐ-TTg ngày 28/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ, Chỉ thị số 04/CT-TTg ngày 17/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ và một số văn bản của UBND tỉnh về thực hiện công tác bảo tồn đa dạng sinh học trên địa bàn tỉnh Quảng Nam (Sở TN&MT Quảng Nam, 2023). Ngoài ra, Sở TN&MT Quảng Nam đã phối hợp với phòng TN&MT thành phố Tam Kỳ, Trung tâm Văn hoá thể thao tỉnh tổ chức phát động “Đạp xe vì môi trường” hưởng ứng ngày môi trường thế giới, tuần lễ biển và hải đảo Việt Nam và tháng hành động vì môi trường năm 2023, giải pháp ô nhiễm nhựa nhằm phổ biến Luật Bảo vệ môi trường 2020, Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo đến người dân, doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Tam Kỳ với khoảng 100 người tham dự (Sở TN&MT Quảng Nam, 2022).

Ngoài tổ chức các hội nghị tập huấn và các lớp bồi dưỡng trực tiếp, Sở TN&MT Quảng Nam đã thực hiện tuyên truyền, phổ biến các nội dung của Luật Bảo vệ môi trường 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành bằng nhiều hình thức khác nhau như: đăng tải các văn bản chính sách, pháp luật lên Website của Sở, gửi các văn bản đến tất cả các sở, ban, ngành và địa phương, tuyên truyền, phổ biến thông qua đài phát thanh và truyền hình tại chuyên mục tài nguyên và môi trường, tuyên truyền phổ biến thông qua treo băng rôn và khẩu hiệu để hưởng ứng các ngày kỷ niệm về môi trường như Ngày Môi trường Thế giới, Ngày Quốc tế Đa dạng sinh học... (Sở TN&MT Quảng Nam, 2022 và 2023). Đối với việc thực hiện tuyên truyền, phổ biến chính sách phân loại CTRSH tại nguồn, Sở TN&MT Quảng Nam đã tổ chức xây dựng, in ấn sổ tay hướng dẫn truyền thông, thực hiện phân loại CTR sinh hoạt tại nguồn cấp phát đến các sở, ban, ngành, hội đoàn thể liên quan cấp tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố, UBND các xã, phường, thị trấn, thôn, khối phố (Sở TN&MT Quảng Nam, 2023).

Thực hiện bồi dưỡng kỹ năng, nghiệp vụ PBGDCSPL cho đội ngũ báo cáo viên pháp luật theo kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Quảng Nam hàng năm, từ năm 2022 đến tháng 6 năm 2024 Sở Tư pháp Quảng Nam đã tổ chức 02 lớp bồi dưỡng. Cụ thể: 01 lớp bồi dưỡng kỹ năng, nghiệp vụ phổ biến, giáo dục pháp luật cho đội ngũ tập huấn viên hòa giải ở cơ sở năm 2022, cho các báo cáo viên pháp luật cấp tỉnh vào tháng 6/2022 với hơn 100 đại biểu là trưởng, phó phòng tư pháp và các tập huấn viên hòa giải ở cơ sở cấp huyện tham dự (Vụ Phổ biến, giáo dục pháp luật, 2022); 01 lớp bồi dưỡng nghiệp vụ, kỹ năng tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật đã được tổ chức vào tháng 5/2024 với hơn 100 báo cáo viên pháp luật cấp tỉnh tham gia (Trang thông tin phổ biến giáo dục pháp luật tỉnh Quảng Nam, 2024). Ngoài các lớp bồi dưỡng được tổ chức trực tiếp, các nghiệp vụ khác nhau về PBGDCSPL đã được đăng tải trên Website của Hội đồng phổ biến giáo dục pháp luật tỉnh Quảng Nam để các báo cáo viên, tuyên truyền viên học tập.

Mặc dù hàng năm tỉnh Quảng Nam đều triển khai các lớp đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, nghiệp vụ PBGDCSPL về bảo vệ môi trường nhưng không phải tất cả các cán bộ thực hiện nhiệm vụ PBGDCSPL đều được tham gia. Kết quả khảo sát 57 cán bộ thực hiện công tác PBGDCSPL ở cấp tỉnh và 4 huyện, thành phố thuộc tỉnh Quảng Nam cho thấy, chỉ có 52,6 % số cán bộ được phỏng vấn được tham gia tập huấn, đào tạo để thực hiện nhiệm vụ PBGDCSPL về bảo vệ môi trường của cơ quan cấp trên, còn lại 47,4% không được tham gia. Điều này cho thấy, đội ngũ cán bộ tham

gia công tác PBGDCSPL về bảo vệ môi trường ở Quảng Nam chưa được tham gia bồi dưỡng kiến thức, nghiệp vụ còn rất cao, chiếm đến gần 50%.

Kết quả phỏng vấn sâu đối với các cán bộ có tham gia các lớp bồi dưỡng cho thấy, phần lớn họ cho rằng các lớp này có hiệu quả đáng kể bởi nó giúp họ nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, cập nhật những kiến thức mới về chính sách, pháp luật bảo vệ môi trường, những kiến thức, nghiệp vụ được học đã hỗ trợ họ thực hiện công tác PBGDCSPL bảo vệ môi trường tại địa phương hiệu quả hơn, đảm bảo theo đúng định hướng của Nhà nước. Tuy nhiên, một bộ phận đáng kể cán bộ cho rằng các lớp bồi dưỡng này chưa đáp ứng yêu cầu cho việc thực thi nhiệm vụ tại địa phương của họ. Bởi vì, khảo sát về khả năng đáp ứng yêu cầu cho việc thực thi nhiệm vụ tại địa phương từ các nội dung và hình thức tập huấn, đào tạo mà các cán bộ làm nhiệm vụ PBGDCSPL được tham gia từ các lớp tập huấn, đào tạo cho thấy, trong số 52,6% cán bộ được tham gia các lớp bồi dưỡng chỉ có 60,0 % trong số đó cho rằng nội dung và hình thức đào tạo, bồi dưỡng đáp ứng yêu cầu để thực thi nhiệm vụ, còn lại 40% cho rằng chưa đáp ứng yêu cầu. Con số này cho thấy, các nội dung và hình thức đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, nghiệp vụ PBGDCSPL về bảo vệ môi trường tại các hội nghị tập huấn, lớp bồi dưỡng còn nhiều điểm chưa phù hợp, chưa đáp ứng yêu cầu thực tiễn của các địa phương. Các học viên tham gia các hội nghị, lớp đào tạo bồi dưỡng phản ánh rằng, họ thường chỉ được phổ biến chung về Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản hướng dẫn thi hành theo kiểu lý thuyết mà ít đi sâu vào các tình huống thực tế dẫn đến khó triển khai áp dụng trong các tình huống thực tiễn tại địa phương, thời gian phổ biến trong các hội nghị tập huấn, lớp bồi dưỡng rất ngắn trong khi nội dung bồi dưỡng lại rất nhiều.

Ở các địa phương trên địa bàn tỉnh Quảng Nam, rất ít các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ, kỹ năng PBGDCSPL được tổ chức. Đơn cử như ở thành phố Hội An và huyện Núi Thành từ năm 2020 cho đến nay chưa có lớp bồi dưỡng nào về nghiệp vụ, kỹ năng PBGDCSPL được tổ chức cho cán bộ, báo cáo viên và tuyên truyền viên pháp luật. Đối với thành phố Tam Kỳ từ năm 2020 đến 2024 chỉ có 01 lớp bồi dưỡng về nghiệp vụ công tác tuyên truyền miệng được tổ chức vào tháng 10/2024 (Quang Khải, 2024); Huyện Đông Giang từ năm 2020 đến nay có 01 lớp bồi dưỡng kỹ năng thông tin, tuyên truyền cho cán bộ cơ sở trên địa bàn với sự tham gia của hơn 100 học viên là cán bộ hội, đoàn thể xã và các cán bộ, công chức xã với nhiều kỹ năng được bồi dưỡng, trong đó có *"Kỹ năng tổ chức buổi tuyên truyền cổ động và tuyên truyền miệng, truyền thông tin trên báo chí và mạng xã hội, sử dụng công nghệ thông tin, công nghệ số để quản lý, vận hành thiết bị kỹ thuật"* (Va Ra, 2024).

Đối với các địa phương trên địa bàn tỉnh Quảng Nam, việc bồi dưỡng kiến thức, nghiệp vụ PBGDCSPL về bảo vệ môi trường thường được thực hiện thông qua các chương trình ký kết liên tịch giữa phòng TN&MT, phòng Tư pháp với các tổ chức chính trị - xã hội và đoàn thể. Về nội dung bồi dưỡng, các huyện và thành phố thuộc tỉnh đều thực hiện theo các nội dung đã được Sở TN&MT tập huấn, bồi dưỡng như: phổ biến Luật Bảo vệ môi trường 2020 và các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật này gồm: Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/1/2022 của Chính phủ, Nghị định số 45/2022/NĐ-CP ngày 07/7/2022. Một số địa phương triển khai thực hiện chính sách phân loại CTRSH tại nguồn, giảm thiểu và chống ô nhiễm nhựa, do đó công tác tuyên truyền thực hiện thêm các nội dung liên quan đến công tác phân loại CTRSH tại nguồn, hướng dẫn ủ phân hữu cơ tại nhà; và tuyên truyền về giảm thiểu và chống ô nhiễm nhựa (ví dụ như Hội An, Tam Kỳ và Núi Thành). Một số địa phương thuộc khu vực vùng đệm các khu dự trữ thiên nhiên, khu bảo tồn sinh cảnh thì phối hợp với Sở TN&MT triển khai thêm nội dung liên quan đến các quy định, chính sách pháp luật về bảo tồn đa dạng sinh học. Về hình thức bồi dưỡng, các địa phương trên địa bàn tỉnh Quảng Nam chủ yếu thực hiện bồi dưỡng thông qua các hội nghị tập huấn và các lớp bồi dưỡng trực tiếp. Ngoài ra, các văn bản chính sách, pháp luật cũng như kế hoạch bồi dưỡng đều được gửi đầy đủ đến các địa phương và các bên phối hợp tham gia trong công tác PBGDPL. Bên cạnh đó, công tác tuyên truyền của các địa phương cũng được triển khai thông qua đài phát thanh địa phương. Một số địa phương có triển khai thực hiện chính sách phân loại CTRSH tại nguồn thực hiện in ấn và cấp phát tài liệu hướng dẫn đến các xã/phường, thôn/khối phố. Riêng thành phố Hội An đã thực hiện biên soạn, in ấn và cấp phát tài liệu hướng dẫn giáo dục môi trường "Em học sống xanh" đến tất cả các trường học đồng trên địa bàn.

Kết quả khảo sát thực tế tại 4 địa phương bao gồm thành phố Tam Kỳ, thành phố Hội An, huyện Núi Thành và huyện Đông Giang cho thấy, mức độ triển khai bồi dưỡng kiến thức, nghiệp vụ PBGDCSPL về bảo vệ môi trường của mỗi địa phương là khác nhau tùy vào kế hoạch triển khai bảo vệ môi trường của từng địa phương. Trong 4 địa phương được khảo sát, thành phố Tam Kỳ và Hội An là 2 địa phương triển khai nhiều hội nghị tập huấn, lớp bồi dưỡng nhất. Đơn cử, từ năm 2022 đến tháng 6/2024 thành phố Tam Kỳ đã triển khai tổ chức 45 hội nghị tập huấn, lớp bồi dưỡng về kiến thức, nghiệp vụ PBGDCSPL về bảo vệ môi trường theo các kế hoạch liên tịch được ban hành. Đông Giang là địa phương triển khai ít hội nghị, lớp bồi dưỡng tập huấn nhất, từ năm 2022 đến tháng 6/2024 huyện Đông Giang chỉ tổ chức 01 hội nghị phổ biến Luật Bảo vệ môi trường 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành, chưa triển khai bồi dưỡng, đào tạo về phân loại CTRSH tại nguồn.

Đánh giá về mức độ tổ chức PBGDCSPL về bảo vệ môi trường tại địa phương, kết quả khảo sát tại 4 huyện, thành phố thuộc tỉnh trên địa bàn tỉnh Quảng Nam cho thấy, có 48,2% người trả lời đánh giá ở mức độ “Thường xuyên”, đánh giá ở mức độ “Có nhưng rất ít” và “Có tổ chức hàng năm nhưng rất ít” chiếm tỷ lệ bằng nhau là 22,7%, có 2,6% đánh giá ở mức độ rất thường xuyên, trong khi đó vẫn còn 3,8% cho rằng “Không có tổ chức PBGDCSPL” (bảng 1). Những số liệu này phản ánh sự không đồng đều giữa các địa phương trong thực hiện công tác PBGDCSPL. Thực tế phỏng vấn sâu với đội ngũ cán bộ PBGDCSPL ở 4 huyện, thành phố thuộc tỉnh cũng cho thấy, các khu vực đô thị như Tam Kỳ và Hội An, việc PBGDCSPL được thực hiện thường xuyên, tuy nhiên đối với khu vực miền núi như huyện Đông Giang tần suất tổ chức thực hiện PBGDCSPL về bảo vệ môi trường tương đối ít.

Bảng 1: Mức độ PBGDCSPL về bảo vệ môi trường tại địa phương

Mức độ đánh giá	Không có tổ chức PBGD	Có nhưng rất ít	Có tổ chức hàng năm nhưng rất ít	Thường xuyên	Rất thường xuyên	Tổng
Tỷ lệ (%)	3,8	22,7	22,7	48,2	2,6	100

(Nguồn: Tính toán từ dữ liệu khảo sát thực tế của nhóm tác giả, tháng 6/2024)

Đánh giá về những hình thức, hoạt động cụ thể để PBGDCSPL về bảo vệ môi trường đến với người dân của chính quyền địa phương, kết quả khảo sát cho thấy, 4 hình thức PBGDCSPL phổ biến nhất là “Thông qua các hội nghị tập huấn tại địa phương” (57,4%), “Thông qua trường thôn, tổ trưởng tổ dân cư, các tổ chức chính trị - xã hội tại địa phương” (50,5%), thông qua kênh truyền thanh, truyền hình tại địa phương (45,9%), lồng ghép “Thông qua các hoạt động văn hoá, văn nghệ, mít tinh tại địa phương” (31,7%). Ngoài ra một số hình thức khác ít phổ biến hơn như: qua các hoạt động học tập, các hội thi đua bảo vệ môi trường (20,6%); qua gửi văn bản trực tiếp đến người dân địa phương (6,9%), và thông qua các hoạt động khác chiếm 0,3% (xem bảng 2). Điều này cho thấy, đội ngũ cán bộ ở địa phương đã tiếp thu và vận dụng đa dạng nhiều hình thức, hoạt động khác nhau để PBGDCSPL về bảo vệ môi trường.

Bảng 2: Những hình thức, hoạt động cụ thể để PBGDCSPL về bảo vệ môi trường đến với người dân của chính quyền địa phương

Các hình thức, hoạt động PBGDCSPL	Tỷ lệ (%)
1. Thông qua kênh truyền thanh, truyền hình tại địa phương	45,9
2. Thông qua các hội nghị tập huấn tại địa phương về chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường	57,4
3. Thông qua trường thôn, tổ trưởng tổ dân cư, các tổ chức chính trị - xã hội tại địa phương	50,5
4. Thông qua các hoạt động văn hoá, văn nghệ, mít tinh tại địa phương nhằm phổ biến, giáo dục chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường	31,7
5. Thông qua các hoạt động học tập, các hội thi đua bảo vệ môi trường	20,6
6. Thông qua gửi văn bản trực tiếp đến người dân địa phương	6,9
7. Thông qua các hoạt động khác	0,3

(Nguồn: Tính toán từ dữ liệu khảo sát thực tế của nhóm tác giả, tháng 6/2024)

Đánh giá về các hình thức, lượng thông tin và nội dung PBGDCSPL, kết quả khảo sát thể hiện ở bảng 4 cho thấy phần lớn người trả lời đánh giá về hình thức, lượng thông tin và nội dung phổ biến giáo dục ở “Tốt” và “Bình thường” (xem bảng 3). Như vậy, nhìn chung mức độ đánh giá về các hình thức, lượng thông tin và nội dung phổ biến, giáo dục trung bình có thể khái quát ở mức độ khá.

Bảng 3: Đánh giá về các hình thức, lượng thông tin và chất lượng nội dung PBGDCSPL về bảo vệ môi trường tại địa phương đã được thực hiện

Mức độ đánh giá	Rất kém	Kém	Bình thường	Tốt	Rất tốt	Tổng
Hình thức phổ biến (%)	0,0	0,8	43,8	53,4	2,0	100
Lượng thông tin phổ biến (%)	0,0	0,5	43,7	54,3	1,5	100
Chất lượng nội dung phổ biến (%)	0,0	0,8	40,2	57,3	1,8	100

(Nguồn: Tính toán từ dữ liệu khảo sát thực tế của nhóm tác giả, tháng 6/2024)

3.2. Đánh giá công tác bồi dưỡng kiến thức, nghiệp vụ phổ biến, giáo dục chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường ở tỉnh Quảng Nam

Tổng kết công tác PBGDCSPL hàng năm, Sở TN&MT, Sở Tư pháp tỉnh Quảng Nam và các địa phương trên địa bàn tỉnh có thực hiện thống kê số lớp tập huấn, đào tạo, bồi dưỡng và số lượng học viên tham gia mỗi lớp; đối với các lớp đào tạo, bồi dưỡng về phân loại CTRSH tại nguồn có thực hiện cấp chứng chỉ cho các học viên đủ điều kiện. Tuy nhiên, về hiệu quả của các hội nghị tập huấn, lớp đào tạo, bồi dưỡng như thế nào ít được quan tâm đánh giá.

Thực tế khảo sát khả năng, năng lực am hiểu chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường của cán bộ thực hiện PBGDCSPL cho thấy, 52,6% cán bộ được phỏng vấn đánh giá ở mức "bình thường", 47,4% đánh giá ở mức "tốt", không có cán bộ nào đánh giá ở mức rất kém, kém và rất tốt (xem bảng 4). Các số liệu này cho thấy, đội ngũ cán bộ thực hiện PBGDCSPL về bảo vệ môi trường có khả năng, năng lực am hiểu về chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường trung bình ở mức khá.

Bảng 4: Tự đánh giá khả năng, năng lực am hiểu về chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường của cán bộ thực hiện PBGDCSPL

Mức độ đánh giá	Rất kém	Kém	Bình thường	Tốt	Rất tốt	Tổng
Tỷ lệ (%)	0,0	0,0	52,6	47,4	0,0	100

(Nguồn: Tính toán từ dữ liệu khảo sát thực tế của nhóm tác giả, tháng 6/2024)

Đánh giá chung công tác PBGDCSPL về bảo vệ môi trường của chính quyền địa phương đến người dân, kết quả khảo sát cho thấy, phần lớn người trả lời đánh giá ở mức "Tốt" với 50,3%. Tuy nhiên, những đánh giá ở mức "Bình thường" có sự chênh lệch không đáng kể với mức "Tốt" khi chiếm đến 46,7%, có 2,5% người trả lời đánh giá ở mức rất tốt, vẫn còn có 0,5% người trả lời đánh giá ở mức kém (Bảng 5). Từ số liệu này có thể thấy, công tác PBGDCSPL về bảo vệ môi trường của chính quyền địa phương được người dân, doanh nghiệp, các cơ sở kinh doanh trên địa bàn đánh giá trung bình ở mức độ khá.

Bảng 5: Đánh giá của người dân, các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ về công tác PBGDCSPL về bảo vệ môi trường của chính quyền địa phương

Mức độ đánh giá	Rất kém	Kém	Bình thường	Tốt	Rất tốt	Tổng
Tỷ lệ (%)	0,0	0,5	46,7	50,3	2,5	100

(Nguồn: Tính toán từ dữ liệu khảo sát thực tế của nhóm tác giả, tháng 6/2024)

Trên thực tế có nhiều cách khác nhau để đánh giá hiệu quả của công tác bồi dưỡng kiến thức, nghiệp vụ PBGDCSPL nói chung, trong đó có lĩnh vực bảo vệ môi trường. Theo Vũ Cao Đàm (2011), có thể đánh giá hiệu quả chính sách công qua 3 hướng tiếp cận: 1) Hiệu quả về mặt kinh tế; 2) Hiệu quả về mặt xã hội; 3) hiệu quả về mặt văn hoá. Tuy nhiên, đánh giá hiệu quả về mặt kinh tế và văn hoá tương đối phức tạp và cần nhiều thời gian, cho nên các nhà nghiên cứu thường lựa chọn đánh giá theo hướng "hiệu quả về mặt xã hội", tức là sự thay đổi về nhận thức, ở mức cao hơn nữa là sự thay đổi hành vi của đối tượng được PBGDCSPL. Trong giới hạn của nghiên cứu này chúng tôi đánh giá thông qua việc nắm bắt thông tin về chính sách, pháp luật bảo vệ môi trường và sự thay đổi về nhận thức của đối tượng được PBGDCSPL.

Khảo sát về mức độ nắm bắt thông tin của người dân, các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn về các chính sách, pháp luật bảo vệ môi trường tại địa phương cho thấy, phần lớn người dân, các doanh nghiệp và cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn chỉ nắm được thông tin ở mức

độ trung bình với tỷ lệ 49,9%, có 30% ở mức biết nhiều, tỷ lệ nắm được ở mức biết rất nhiều rất nhỏ chỉ có 1,8%, vẫn còn 0,3% hoàn toàn không nắm được thông tin (xem bảng 6). Như vậy, có thể khái quát mức độ nắm bắt thông tin của người dân, các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn trung bình chỉ ở mức độ trung bình khá. Mức độ nắm bắt thông tin của người dân, các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh về các chính sách, pháp luật bảo vệ môi trường tại địa phương không hoàn toàn phản ánh chất lượng của công tác phổ biến, giáo dục chính sách, pháp luật của chính quyền địa phương nhưng đây cũng là một chỉ tiêu quan trọng để đánh giá hiệu quả phổ biến, giáo dục.

Bảng 6: Mức độ nắm bắt thông tin của người dân, các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn về các chính sách, pháp luật bảo vệ môi trường tại địa phương

Mức độ nắm bắt	Hoàn toàn không biết	Biết rất ít	Trung bình	Biết nhiều	Biết rất nhiều	Tổng
Tỷ lệ (%)	0,3	17,6	49,9	30,5	1,8	100

(Nguồn: Tính toán từ dữ liệu khảo sát thực tế của nhóm tác giả, tháng 6/2024)

Mức độ am hiểu của người dân, các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn về các chính sách, pháp luật bảo vệ môi trường tại địa phương là một chỉ tiêu đánh giá hiệu quả công tác PBGDCSPL ở một tầng nấc cao hơn so với mức độ nắm bắt thông tin. Đánh giá về chỉ tiêu này cho thấy, tỷ lệ người trả lời “nắm rất rõ và có am hiểu sâu sắc về các nội dung của chính sách, pháp luật” ở mức rất thấp với 1,8%, chiếm tỷ lệ lớn nhất là những người “Được cung cấp đầy đủ thông tin và am hiểu về nội dung của các chính sách, pháp luật” với 32,5%, tuy nhiên cũng không có sự chênh lệch nhiều với những người “Chỉ nghe một phần và có am hiểu một phần nội dung của các chính sách, pháp luật” (28,2%) và những người “Chỉ nghe đến và có am hiểu rất ít về nội dung của các chính sách, pháp luật” chiếm 22,8%, vẫn còn tới 14,7% người trả lời “Chỉ nghe rất ít và không am hiểu về nội dung của các chính sách, pháp luật” (xem bảng 7). Qua những số liệu này có thể thấy, mức độ am hiểu của người dân, các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn về các chính sách, pháp luật bảo vệ môi trường tại địa phương chủ yếu ở mức am hiểu một phần đến am hiểu cơ bản, vẫn còn rất nhiều người không am hiểu hoặc am hiểu rất ít.

Bảng 7: Mức độ am hiểu của người dân, các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn về các chính sách, pháp luật bảo vệ môi trường tại địa phương

Mức độ am hiểu	Tỷ lệ (%)
1. Chỉ nghe rất ít và không am hiểu về nội dung của các chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường tại địa phương.	14,7
2. Chỉ nghe đến và có am hiểu rất ít về nội dung của các chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường tại địa phương.	22,8
3. Chỉ nghe một phần và có am hiểu một phần nội dung của các chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường tại địa phương.	28,2
4. Được cung cấp đầy đủ thông tin và am hiểu về nội dung của các chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường tại địa phương.	32,5
5. Nắm rất rõ và có am hiểu sâu sắc về các nội dung của chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường tại địa phương.	1,8
Tổng	100

(Nguồn: Tính toán từ dữ liệu khảo sát thực tế của nhóm tác giả, tháng 6/2024)

3.3 Một số vấn đề đặt ra trong thực hiện bồi dưỡng kiến thức, nghiệp vụ phổ biến, giáo dục chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường ở tỉnh Quảng Nam

Trên cơ sở phân tích và đánh giá thực trạng bồi dưỡng kiến thức, nghiệp vụ PBGDCSPL về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Quảng Nam cho thấy, công tác này của tỉnh Quảng Nam đã giúp nâng cao kiến thức về chính sách, pháp luật bảo vệ môi trường cho đội ngũ cán bộ làm công tác PBGDCSPL trong lĩnh vực này, đồng thời các lớp bồi dưỡng được tổ chức thường kết hợp các nội dung kiến thức về chính sách, pháp luật với các kỹ năng tuyên truyền, phổ biến phù hợp cho từng đối tượng, qua đó giúp tăng khả năng, năng lực triển khai các nhiệm vụ PBGDCSPL tại địa phương. Tuy nhiên, công tác bồi dưỡng kiến thức, nghiệp vụ PBGDCSPL còn tồn tại một số vấn đề hạn chế. Cụ thể:

Thứ nhất, phương pháp và hình thức đào tạo, bồi dưỡng tại các hội nghị tập huấn và các lớp bồi dưỡng chủ yếu vẫn thường theo kiểu truyền thống, còn mang nặng tính hình thức. Các bài phổ biến chủ yếu vẫn truyền đạt thông tin theo kiểu một chiều “giảng viên nói – học viên nghe”, tương tác 2 chiều giữa giảng viên và học viên còn rất hạn chế.

Thứ hai, nội dung đào tạo, bồi dưỡng thường chung chung, dàn trải, thiếu chuyên sâu. Thông thường 01 hội nghị tập huấn triển khai phổ biến rất nhiều nội dung của Luật bảo vệ môi trường và các văn bản hướng dẫn thi hành, do đó các bài phổ biến chủ yếu vẫn nặng về lý thuyết, phổ biến chung chung các quy định về chính sách, pháp luật, ít đưa các tình huống thực tiễn vào trao đổi và thảo luận chuyên sâu, cho nên những học viên tham gia khó vận dụng trong triển khai thực hiện nhiệm vụ thực tiễn của mình.

Thứ ba, đội ngũ báo cáo viên và tuyên truyền viên pháp luật thực hiện nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng hạn chế về hạn chế về số lượng và thời gian dành cho nhiệm vụ này do *“hầu hết họ đều hoạt động kiêm nhiệm, vừa phải thực hiện nhiệm vụ chuyên môn vừa phải thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật”* (Sở TN&MT Quảng Nam, 2022). Sở TN&MT Quảng Nam năm 2024 chỉ có 02 báo cáo viên pháp luật được công nhận tại quyết định số 1803/QĐ-UBND ngày 24/8/2023 của UBND tỉnh về công nhận báo cáo viên cấp tỉnh. Ở cấp huyện và thành phố thuộc tỉnh, phòng TN&MT thường chỉ được kiện toàn 01 báo cáo viên pháp luật.

“Khó khăn chung đối với công tác PBGDPL của chúng tôi là lực lượng nhân sự ít, hoạt động kiêm nhiệm, chẳng hạn với phòng TN&MT chúng tôi thì chỉ có 02 chuyên viên về quản lý bảo vệ môi trường, còn ở cấp xã thì hiện nay không có” (Nữ, Phòng TN&MT thành phố Tam Kỳ).

Thứ tư, thiếu cơ chế đánh giá, kiểm tra sau đào tạo, bồi dưỡng. Ngoài các lớp đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ tuyên truyền viên nòng cốt cấp huyện và cấp xã về công tác phân loại CTRSH tại nguồn có cấp giấy chứng nhận hoàn thành chương trình đào tạo, bồi dưỡng cho gần 400 học viên đủ điều kiện (UBND tỉnh Quảng Nam, 2025), thông thường sau các hội nghị tập huấn, lớp đào tạo, bồi dưỡng trên địa bàn tỉnh Quảng Nam thường không có kiểm tra, đánh giá chất lượng để xem cán bộ được đào tạo, bồi dưỡng tiếp thu đến đâu, có vận dụng được hay không.

Thứ năm, kinh phí dành cho đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, nghiệp vụ PBGDCSPL về bảo vệ môi trường hàng năm còn hạn hẹp, nên số lượng các hội nghị tập huấn, các lớp bồi dưỡng được tổ chức ở cấp tỉnh và các cấp địa phương cũng hạn chế. Hơn nữa, chế độ đãi ngộ đối với cán bộ tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng còn hạn chế nên động lực tham gia học tập chưa cao. Báo cáo công tác PBGDCSPL năm 2022 của Sở TN&MT Quảng Nam cũng khẳng định về tình trạng thiếu kinh phí và cơ chế hỗ trợ cho đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên *“Kinh phí ngân sách cấp cho hoạt động PBGDPL còn hạn chế, chủ yếu lồng ghép vào các hoạt động thường xuyên của Sở; chính sách đãi ngộ cho báo cáo viên, tuyên truyền pháp luật đã được quan tâm nhưng vẫn còn hạn chế, chưa thực sự khuyến khích và phát huy khả năng của đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên”* (Sở TN&MT Quảng Nam, 2022).

Thứ sáu, pháp luật về bảo vệ môi trường của Việt Nam phức tạp, khó hiểu và còn chồng chéo nên việc truyền đạt của đội ngũ báo cáo viên và tuyên truyền viên gặp nhiều khó khăn cũng như áp dụng thực tế. *“Một số quy định của pháp luật, đặc biệt là trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường còn chưa thống nhất, nhiều văn bản pháp luật chuyên ngành khác nhau điều chỉnh và thường xuyên thay đổi đã ảnh hưởng đến việc cập nhật, áp dụng để thực hiện công tác PBGDPL”* (Sở TN&MT Quảng Nam, 2022). Kết quả phỏng vấn sâu đối với cán bộ tham gia công tác PBGDPL về bảo vệ môi trường cũng cho thấy điều này.

Thứ bảy, một bộ phận cán bộ, tuyên truyền viên ở các cơ quan ở các địa phương vẫn còn coi nhẹ công tác tuyên truyền, bồi dưỡng kiến thức, nghiệp vụ phổ biến, giáo dục chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường do tâm lý “môi trường không phải là việc cấp bách”, phổ biến chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường không phải là nhiệm vụ chính của mình, cho nên họ không tham gia các lớp bồi dưỡng hoặc có tham gia nhưng theo kiểu hình thức, đi học cho có chứ chưa thực chú tâm vào việc học tập để về làm nhiệm vụ.

“Một số giáo viên có tâm lý chủ quan, nghĩ rằng nội dung phổ biến chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường không phải là của mình nên họ không quan tâm lắm, cho nên hiệu quả triển khai không cao” (Nam, Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Nam).

4. Kết luận

Bồi dưỡng kiến thức, nghiệp vụ PBGDCSPL về bảo vệ môi trường cho đội ngũ cán bộ phụ trách công tác PBGDCSPL đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, vận động nhân dân, các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh thực hiện các quy định và chính sách về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Quảng Nam. Trong những năm qua, công tác này của tỉnh Quảng Nam đã đạt được nhiều kết quả tích cực, giúp nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ thực hiện PBGDCSPL về bảo vệ môi trường. Tuy nhiên, công tác này vẫn tồn tại nhiều vấn đề như: (1) Phương pháp và hình thức đào tạo, bồi dưỡng tại các hội nghị tập huấn và các lớp bồi dưỡng chủ yếu vẫn thường theo kiểu truyền thống, còn mang nặng tính hình thức; (2) nội dung đào tạo, bồi dưỡng thường chung chung, dàn trải, thiếu chuyên sâu; (3) đội ngũ báo cáo viên và tuyên truyền viên pháp luật thực hiện nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng hạn chế về số lượng và thời gian dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng; (4) thiếu cơ chế đánh giá, kiểm tra sau đào tạo, bồi dưỡng; (5) kinh phí dành cho đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, nghiệp vụ phổ biến, giáo dục chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Quảng Nam hàng năm còn hạn hẹp; (6) pháp luật về bảo vệ môi trường của Việt Nam phức tạp, khó hiểu và còn chồng chéo nên việc truyền đạt của đội ngũ báo cáo viên và tuyên truyền viên gặp nhiều khó khăn cũng như áp dụng thực tế; (7) một bộ phận cán bộ, tuyên truyền viên ở các cơ quan ở các địa phương vẫn còn coi nhẹ công tác tuyên truyền, bồi dưỡng kiến thức, nghiệp vụ. Đây là những yếu tố dẫn đến hiệu quả công tác bồi dưỡng chưa cao, chưa tạo được sự chuyển biến rõ nét trong công tác phổ biến, giáo dục chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường tại địa phương.

Chú thích:

(1) Theo Quyết định số 759/QĐ-TTg ngày 14/4/2025 của Thủ tướng Chính phủ về “Phê duyệt đề án sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp”.

Ghi chú: Bài báo là kết quả nghiên cứu của đề tài cấp Bộ 2024-2025 “Nghiên cứu công tác phổ biến, giáo dục chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Quảng Nam” do Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ và Tây Nguyên chủ trì thực hiện.

Tài liệu tham khảo

Hội đồng phổ biến giáo dục pháp luật tỉnh Quảng Nam. (2024). *Sở Tư pháp Quảng Nam tổ chức Hội nghị tập huấn nghiệp vụ, kỹ năng tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật*. Truy xuất tại: <https://pbgdpl.quangnam.gov.vn/index.php/thong-tin-tuyen-truyen-pbpl/thong-tin-pbpl-ca-s-quan-thng-trc/4878-2024-05-31-03-58-56>, ngày 15/1/2025.

Sở TN&MT Quảng Nam. (2022). *Báo cáo số 685/BC-STNMT ngày 14/11/2022 về Kết quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2022*. Quảng Nam.

Sở TN&MT Quảng Nam. (2023). *Báo cáo số 605/BC-STNMT ngày 15/11/2023 về Kết quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2023*. Quảng Nam.

Quang Khải. (2024). *Tam Kỳ khai mạc lớp bồi dưỡng nghiệp vụ công tác tuyên truyền miệng năm 2024*. Truy xuất tại: <https://quangnam.gov.vn/tam-ky-khai-mac-lop-boi-duong-nghiep-vu-cong-tac-tuyen-truyen-mieng-nam-2024-59014.html>, ngày 10/1/2025.

UBND tỉnh Quảng Nam. (2022). *Quyết định số 1452/QĐ-UBND ngày 30/5/2022 về Ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường*. Quảng Nam.

Vụ Phổ biến, giáo dục pháp luật. (2022). *Sở Tư pháp Quảng Nam tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật và nghiệp vụ cho tập huấn viên hòa giải ở cơ sở*. Truy xuất tại: <https://pbgdpl.moj.gov.vn/qt/tintuc/Pages/hoat-dong-pbgdplp.aspx?ItemID=2972>, ngày 12/1/2025.

Va Ra. (2024). *Đông Giang bồi dưỡng kỹ năng thông tin, tuyên truyền cho cán bộ cơ sở*. Truy xuất tại: <https://baoquangnam.vn/dong-giang-boi-duong-ky-nang-thong-tin-tuyen-truyen-cho-can-bo-co-so-3144543.html>, ngày 10/1/2025.

Vũ Cao Đàm. (2011). *Giáo trình Khoa học chính sách*. Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội. Hà Nội.

THẺ LỆ GỬI BÀI CHO TẠP CHÍ KHOA HỌC XÃ HỘI MIỀN TRUNG

1. Bài viết gửi đăng trên Tạp chí Khoa học xã hội miền Trung phải là bài viết chưa từng được gửi đăng, đăng tải trên bất kỳ các sách, báo, tạp chí khác.
2. Bài viết gửi đăng có dung lượng từ 5.000-8.000 từ, được đánh máy vi tính trên khổ giấy A4, sử dụng font chữ Times New Roman, cỡ chữ 14, cách dòng Single, các đoạn 6 pt. Trang đầu tiên của bài viết bao gồm các thông tin về tác giả: họ và tên, học hàm, học vị, cơ quan công tác, số điện thoại, địa chỉ email liên hệ (nếu có từ 02 tác giả trở lên, đều phải đảm bảo đầy đủ thông tin trên).
3. Tiêu đề bài viết, tóm tắt (khoảng 100-200 từ), từ khoá phải được trình bày cả bằng tiếng Việt và tiếng Anh ngay sau trang thông tác giả.
4. Kết cấu bài viết được chia thành các mục, tiểu mục và cần đánh theo số thứ tự: 1. Đặt vấn đề; 2.; 2.1.; 2.1.1.; ...; n. Kết luận; Tài liệu tham khảo. Tên của mục và tiểu mục cần viết ngắn gọn, thể hiện bản chất của nội dung trình bày và không có dấu chấm ở cuối dòng.
5. Tên riêng của người, địa phương, thuật ngữ tiếng nước ngoài để nguyên văn, không phiên âm sang tiếng Việt, trừ những tên, thuật ngữ đã được Việt hoá (như Trung Quốc, Thái Lan, ...).
6. Bài viết phải đảm bảo trích dẫn đầy đủ các thông tin, số liệu, nội dung, đại ý, kết luận... (nếu tham khảo từ các tài liệu khác). Đối với các đoạn trích dẫn trong bài viết nếu trích dẫn nguyên văn thì phần trích dẫn phải được để trong dấu ngoặc kép, nếu là trích dẫn nội dung, đại ý (bao gồm cả số liệu, thông tin, kết luận, phát hiện, ... không dùng nguyên văn) thì không phải để trong dấu ngoặc kép. Cả 2 loại trích dẫn này đều được trích nguồn đầy đủ và ở dạng chữ thường.
7. Tài liệu trích dẫn được trình bày trong dấu ngoặc đơn và viết theo thứ tự sau:
 - Là tác giả Việt Nam: Họ và tên tác giả, năm xuất bản, số trang (nếu có). Ví dụ (Nguyễn Văn A, 2011, 10).
 - Là tác giả nước ngoài: Họ tác giả, năm, số trang (nếu có). Ví dụ (Stiglitz, 1986).
8. Chú thích được trình bày trong dấu ngoặc đơn và đánh số thứ tự 1, 2, 3. Nội dung của chú thích được trình bày ở cuối bài viết bằng mục Chú thích và đặt tên tài liệu tham khảo. Ví dụ: Vũng Nam Trung Bộ⁽¹⁾. Cuối bài viết trình bày:

Chú thích:

(1) Vũng Nam Trung Bộ bao gồm 8 tỉnh/thành phố Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hoà, Ninh Thuận, Bình Thuận.

9. Tài liệu tham khảo được trình bày theo chuẩn quốc tế APA và được sắp xếp theo thứ tự Alphabet.

+ Đối với tài liệu là bài báo trong các tạp chí:

- *Tác giả người Việt Nam:* Họ và tên tác giả (năm xuất bản). Tiêu đề bài viết. *Tên tạp chí*, số quyển (số phát hành), số trang.

Ví dụ: Nguyễn Văn A, Nguyễn Văn B (2024). Phát triển kinh tế Việt Nam. *Tạp chí Khoa học xã hội miền Trung*, 1(82), 3-10.

- *Tác giả người nước ngoài:* Họ tác giả, tên viết tắt. (năm xuất bản). Tiêu đề bài viết. *Tên tạp chí*, số quyển (số phát hành), số trang. Ví dụ: Wang, S., Wang, J., Shen, W., & Wu, H. (2023). The evaluation of tourism service facilities in Chinese traditional villages based on the living protection concept: Theoretical framework and empirical case study. *Journal of Asian Architecture and Building Engineering*, 22(1), 14-31.

+ Đối với tài liệu là sách:

- *Tác giả người Việt Nam:* Họ và tên tác giả (năm xuất bản). *Tiêu đề sách (phiên bản)*. Nhà xuất bản. Nơi xuất bản.

Ví dụ: Nguyễn Văn A (chủ biên). (2024). *Giáo trình kinh tế phát triển*. Nxb Giáo dục. Hà Nội.

- *Tác giả người nước ngoài:* Họ tác giả, tên viết tắt. (năm xuất bản). *Tiêu đề sách (phiên bản)*. Nhà xuất bản. Nơi xuất bản. Ví dụ: Chang, H. J. (Ed.). (2003). *Rethinking development economics* (Vol. 1). Anthem Press.

+ Đối với tài liệu là bài đăng trên kỷ yếu hội thảo:

- *Tác giả người Việt Nam:* Họ và tên tác giả (năm xuất bản). Tiêu đề tham luận. *Tên kỷ yếu hội thảo* (Số trang). Nơi xuất bản.

Ví dụ: Nguyễn Văn A (2024). Điều chỉnh tỷ giá thị trường. *Hội thảo phát triển kinh tế miền Trung* (10-20). Đà Nẵng.

- *Tác giả người nước ngoài:* Họ tác giả, tên viết tắt. (năm xuất bản). Tiêu đề tham luận. *Tên kỷ yếu hội thảo* (số trang). Nơi xuất bản. Ví dụ: Kremer, M., Rao, G., & Schilbach, F. (2019). Behavioral development economics. In *Handbook of behavioral economics: applications and foundations 1* (Vol. 2, pp. 345-458). North-Holland.

+ Đối với tài liệu là bài đăng trên internet:

- *Tác giả người Việt Nam:* Họ và tên tác giả (năm xuất bản). *Tiêu đề bài viết*. Truy xuất từ đường dẫn trang web, ngày/tháng/năm truy cập.

Ví dụ: Minh Ngọc (2024). *FDI tháng 5/2024: Vốn điều chỉnh đạt mức tăng ấn tượng*. Truy xuất từ <https://baochinhphu.vn/fdi-thang-5-2024-von-dieu-chinh-dat-muc-tang-an-tuong-102240528083927875.htm>, ngày 10/5/2024.

- *Tác giả người nước ngoài:* Họ tác giả, tên viết tắt. (năm xuất bản). *Tiêu đề bài viết*. Truy xuất từ đường dẫn trang web, ngày/tháng/năm truy cập. Ví dụ: Lund, C. (2023). *The Effects of Mental Health Interventions on Labor Market Outcomes in Low- and Middle-Income Countries*. Truy xuất tại <https://www.nber.org/papers/w32423>, ngày 10/5/2024.

10. Xin gửi bản thảo bài viết qua địa chỉ email: tckhxmientrung@gmail.com

Lưu ý: Toà soạn Tạp chí Khoa học xã hội miền Trung chỉ nhận bài viết đáp ứng đúng thể lệ gửi bài trên.

Thông tin liên hệ:

Toà soạn Tạp chí Khoa học xã hội miền Trung

Địa chỉ: Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng.

Điện thoại: 0236.3962.510

Website: <https://isscr.vass.gov.vn> hoặc <https://vjol.info.vn/index.php/isscr/index>

GIÁ: 30.000 đồng

CVRSS

Central Vietnamese Review of Social Sciences

TẠP CHÍ KHOA HỌC XÃ HỘI MIỀN TRUNG

Địa chỉ: Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng

Điện thoại: 0236.3962.510

Email: tckhxmientrung@gmail.com